

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HS-PT
Ngày 01-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Đặng Hoàng L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2024/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Đặng Hoàng L**, sinh ngày 05/02/1980 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 109/2, ấp Đại Thôn, xã Thạnh Ph, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn K, sinh năm 1962 và bà Võ Ngọc H, sinh năm 1952; con: có 01 người con sinh ngày 20/01/2008; tiền án: có 02 tiền án. Tại Bản án số 11/2014/HS-ST ngày 09/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre và Bản án số 29/2014/HS-PT ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 37/2017/HS-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 22/6/2023 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 18/5/2023, Lê Thị L1 điều khiển xe mô tô biển số 71B4-683.38 chở bạn tên Lê Ôn Ngọc Quế A đến quán nước giải khát Chân Tình thuộc xã Giao T, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre để uống nước. Trong khi uống nước, L1 đi ra ngoài dùng số điện thoại 0345929702 gọi vào số 0963396937 của Đặng Hoàng L hỏi: “Anh L có đồ (ma túy đá) không?”. L trả lời: “Có! Em mua bao nhiêu?”. L1

nói mua 300.000 đồng, L đồng ý và bảo L1 chạy đến nhà của L ở số 109/2, ấp Đại Thôn, xã Thạnh Ph, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre để nhận ma túy. Quế A không nghe cuộc nói chuyện giữa L1 và L. Khi đi, L1 nói chờ Quế A đến nhà bạn của L1 chơi. Khoảng 11 giờ cùng ngày, L1 và Quế A đến nhà L thì thấy L đang ngồi trước thềm ba của căn nhà. L chỉ chỗ cho L1 để xe rồi kêu L1 và Quế A vào phòng ngủ của L (căn phòng thứ nhất tính từ cửa chính đi vào). Bước vào phòng, L1 và Quế A nhìn thấy có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy để trên hộp giấy đặt trên nệm. L, L1, Quế A ngồi lên nệm và L1 kêu L đưa ma túy cho L1. L đi ra ngoài một lúc rồi trở lại phòng đưa cho L1 01 gói ma túy đá (Methamphetamine). L1 cầm lấy ma túy và bỏ ma túy vào trong tờ tiền 500 đồng được gấp thành hình đa giác (không rõ hình) trước đó và cất vào túi áo khoác ở trên phía trước bên trái đang mặc. Sau đó, lấy 300.000 đồng (gồm 01 tờ 200.000 đồng và 01 tờ 100.000 đồng) từ trong túi áo khoác ở trên phía trước bên phải để trả cho L. L không lấy tiền cất mà kêu L1 bỏ vào trong hộp giấy đựng điện thoại có ghi chữ “OPPO A57” để trên nệm trước mặt gần vị trí L đang ngồi. Quế A chứng kiến toàn bộ quá trình mua bán ma túy giữa L1 và L. L1 và L vừa mua bán ma túy xong thì L1 và Quế A tiếp tục ngồi chơi trong phòng của L. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Quốc B đến và mở cửa phòng bước vào. Trước đó, khoảng 10 giờ cùng ngày, B có dùng số điện thoại 0344813285 của B gọi vào số 0963396937 của L để hỏi mua 400.000 đồng ma túy đá. L đồng ý nên hẹn B đến nhà L để giao nhận ma túy. Khi B đến, L lấy 01 gói ma túy đá ra giao cho B. B nhận lấy và cất vào túi quần phía trước bên phải đang mặc rồi lấy 400.000 đồng (gồm 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng) trong túi quần phía sau bên phải đưa cho L. Linh nhận lấy và cất vào túi quần phía sau bên trái rồi kêu B: “Chơi (sử dụng ma túy) trước đi!”. B hiểu ý nên lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy để trên hộp giấy trên nệm (có để sẵn ma túy đá ở bên trong) đốt nóng lên và tự sử dụng. Hút ma túy xong, B để lại bộ dụng cụ sử dụng ma túy ở vị trí cũ. Tiếp đến, L lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy B vừa hút xong tự đốt nóng ma túy lên và hút. Sử dụng xong, L hỏi Quế A: “Trước giờ có chơi không?”. Quế A trả lời: “Có!”. L nói tiếp: “Vậy thì chơi đại đi, có gì đâu mà ngại!”, rồi L cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy đốt nóng ma túy lên cho Quế A sử dụng. Lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi Quế A sử dụng ma túy xong, L vừa để bộ dụng cụ sử dụng ma túy lên hộp giấy trên nệm thì bị lực lượng Đoàn Biên phòng Cổ Chiên phối hợp cùng Phòng Phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội Biên phòng tỉnh Bến Tre, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bến Tre, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy Công an huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre, Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy số 4 Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Công an xã Thạnh Pho, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre bắt quả tang.

Vật chứng và các đồ vật, tài sản bị thu giữ gồm:

- 01 gói nilon màu trắng được hàn kín bốn phía, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy (thu bên trong túi quần phía trước bên phải của

Nguyễn Quốc Bửu đang mặc và được niêm phong trong phong bì ký hiệu “1”).

- 01 gói nilon màu trắng, được hàn kín bốn phía, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy được để trong 01 tờ tiền mệnh giá 500 đồng được gấp thành hình đa giác, không rõ hình dạng (thu trong túi áo khoác ở trên phía trước bên trái của Lê Thị L1 đang mặc và được niêm phong trong phong bì ký hiệu “2”).

- 04 tờ tiền Việt Nam gồm: 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng có số seri là VH 18535965; 02 tờ tiền mỗi tờ có mệnh giá 100.000 đồng, có số seri lần lượt là SF 11491417 và IB 19995133; 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng có số seri là JM 22606100 (thu trong túi quần phía sau bên trái của Đặng Hoàng L đang mặc và được niêm phong trong phong bì ký hiệu “5”).

- 01 điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số seri 1: 352884102256626, số seri 2: 352884102756625 có gắn sim số 0344813285 (thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của Nguyễn Quốc B đang mặc và được niêm phong trong phong bì ký hiệu “7”).

- 01 điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu NOKIA, màu xanh, số seri 1: 355738062707704, số seri 2: 355738062707712 gắn sim số 0345929702 (thu trong túi quần phía trước bên trái của Lê Thị L1 đang mặc và được niêm phong trong phong bì ký hiệu “8”).

- 01 điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số seri: 353846501008824, có gắn sim số 0377984398 (thu trong phòng ngủ của Đặng Hoàng L, cách tường hướng tây 1,4 mét, cách tường hướng bắc 1,3 mét, cách tâm cửa phòng ngủ 1,9 mét, không xác định được chủ sở hữu, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “9”).

- 08 hộp quẹt ga (bật lửa); trong đó có 05 hộp quẹt ga đã bị vỡ phần đầu và 03 hộp quẹt ga vẫn còn sử dụng được.

- Thu trên nệm trong phòng ngủ của Đặng Hoàng L:

+ 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật có ghi chữ OPPO A57, bên trong có 01 gói nilon màu trắng được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp, có sọc màu xanh, bên trong có 01 gói nilon màu trắng được hàn kín bốn phía chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy (niêm phong trong phong bì ký hiệu “3”); 02 tờ tiền Việt Nam gồm: 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng có số seri RT 11559507 và 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng có số seri RN 20462572 (niêm phong trong phong bì ký hiệu “6”); 01 ống thủy tinh hình mỏ vịt, phần mỏ vịt bị vỡ có chiều dài 11cm.

+ 01 hộp giấy hình hộp chữ nhật, cạnh bên có dòng chữ “CORPORATION”, phía trên hộp giấy có 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy (cấu tạo gồm 01 vỏ chai nhựa có gắn nắp đậy màu đỏ, có 02 lỗ tròn ở phần nắp nhựa, trong đó có 01 lỗ tròn gắn 01 ống thủy tinh hình mỏ vịt dài 11cm và 01 lỗ tròn còn lại gắn 01 ống nhựa màu trắng sọc đỏ dài 18cm; bên trong ống thủy tinh hình mỏ vịt có chất màu trắng dạng vết nghi là ma túy (niêm phong trong phong bì ký hiệu “4”).

- Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Hoàng L, lực lượng chức năng

đã thu giữ: 06 ống thủy tinh dạng thẳng và 02 ống thủy tinh hình mở vệt đã bị vỡ (thu trên cửa sổ phòng ngủ của Đặng Hoàng L). L khai nhận các ống thủy tinh trên là của L, khi cần sẽ thổi thành hình mở vệt rồi gắn vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Ngoài ra, lực lượng chức năng còn thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream II, số loại: C100, số máy: 71B468338, số khung: VTTPCG022TT014221, biển kiểm soát: 71B4-683.38 (xe của Lê Thị L1).

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 18/5/2023 xác định Đặng Hoàng L, Nguyễn Quốc B và Lê Ôn Ngọc Quế A dương tính với ma túy đá (Methamphetamine). Riêng Lê Thị L1 âm tính với chất ma túy.

* Tại Bản kết luận giám định số 350/2022/KL-KTHS ngày 20/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0252 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0155 gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 3 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2054 gam.

- Chất tinh thể màu trắng dính trong 01 ống thủy tinh hình mở vệt được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 4 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0362 gam.

Không hoàn lại Đoàn Biên phòng Cổ Chiên - Bộ đội Biên phòng tỉnh Bến Tre mẫu vật ký hiệu 1, 2, 4 sau giám định do đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

Hoàn lại Đoàn Biên phòng Cổ Chiên - Bộ đội Biên phòng tỉnh Bến Tre mẫu vật ký hiệu 3 sau giám định đã được niêm phong có khối lượng 0,1464 gam.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Hoàng L phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 08 (tám) năm tù;

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 05 (năm) năm tù;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đặng Hoàng L phải chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 22/6/2023;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên không áp dụng hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/5/2024, bị cáo Đặng Hoàng L kháng cáo kêu oan cho rằng không phạm 02 tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thì bị cáo cho rằng không thực hiện, bị cáo kêu oan. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đặng Hoàng L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đặng Hoàng L phải chấp hành hình phạt chung là 21 năm 06 tháng tù là có căn cứ. Kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Đặng Hoàng L phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đặng Hoàng L phải chấp hành hình phạt chung của cả 03 tội là 21 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2023. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thì bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo kết hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Vào ngày 18/5/2023, tại phòng ngủ của bị cáo Đặng Hoàng L thuộc nhà Số 109/2, ấp Đại Thôn, xã Thạnh Ph, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre. Bị cáo Đặng Hoàng L có hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,2054 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng. Khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo Đặng Hoàng L bán 0,0155 gam ma túy loại Methamphetamine với số tiền 300.000 đồng cho Lê Thị L1 đem về sử dụng. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Đặng Hoàng L tiếp tục bán 0,0252 gam ma túy loại Methamphetamine với số tiền 400.000 đồng cho Nguyễn Quốc B đem về sử dụng. Sau khi bán ma túy cho Lê Thị L1 và Nguyễn Quốc B xong, bị cáo Đặng Hoàng L đã dùng bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn ma túy đá bên trong ống thủy tinh hình mỏ vịt, qua kết luận giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,0362 gam để tổ chức cho Nguyễn Quốc B và Lê Ôn Ngọc Quế A sử dụng trái phép chất ma túy tại căn phòng ngủ của bị cáo Đặng Hoàng L. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy và bộ dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy;

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đặng Hoàng L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự;

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án trong đó có 01 tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã từng được cải tạo nhưng không sửa đổi bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội liên quan đến chất ma túy; bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo chưa thành khẩn khai báo, chưa ăn năn hối cải đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất

ma túy; bị cáo có mẹ ruột là người có công với đất nước nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng đối với hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đã áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 03 tội buộc bị cáo Đặng Hoàng L phải chấp hành hình phạt chung là 21 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 22/6/2023.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Hoàng L kêu oan cho rằng không phạm 02 tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thấy rằng:

Căn cứ vào các đồ vật, vật chứng được thu giữ khi bắt quả tang gồm: 01 gói nilon có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, thu của Nguyễn Quốc B, có kết luận giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0252 gam; 01 gói nilon có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, thu của Lê Thị L1, có kết luận giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0155 gam; 01 gói nilon chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, thu trong hộp giấy hình hộp chữ nhật có ghi chữ OPPO A57 trên nệm trong phòng ngủ của Đặng Hoàng L, có kết luận giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2054 gam; 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy bên trong ống thủy tinh hình mỏ vịt có chất màu trắng dạng vết nghi là ma túy, thu phía trên hộp giấy hình hộp chữ nhật cạnh bên có dòng chữ “CORPORATION”, chất màu trắng dạng vết nghi là ma túy có kết luận giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0362 gam; 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy bên trong ống thủy tinh hình mỏ vịt có chất màu trắng dạng vết nghi là ma túy, thu phía trên hộp giấy hình hộp chữ nhật cạnh bên có dòng chữ “CORPORATION”; 04 tờ tiền Việt Nam (gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng có số seri là VH 18535965; 02 tờ tiền mỗi tờ có mệnh giá 100.000 đồng, có số seri lần lượt là SF 11491417 và IB 19995133; 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số seri là JM 22606100) thu trong túi quần phía sau bên trái của Đặng Hoàng L; 02 tờ tiền Việt Nam (gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số seri RT 11559507 và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri RN 20462572) thu trong hộp giấy hình hộp chữ nhật có ghi chữ OPPO A57 trên nệm trong phòng ngủ của Đặng Hoàng L. Trong quá trình điều tra: Bà Lê Thị L1 khai: mua ma túy của bị cáo L với giá 300.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá

100.000 đồng, bà L1 bỏ tiền vào trong hộp giấy đựng điện thoại có ghi chữ “OPPO A57” để trên nệm, 02 tờ tiền này có đặc điểm bên mặt tờ tiền có ảnh Bác Hồ đều có dính mực, lời khai của bà L1 phù hợp với vật chứng được thu giữ; ngoài ra bà L1 còn khai khi bà mua ma túy xong thì thấy ông B đi vào phòng, bà thấy bị cáo L đưa cho ông B 01 gói ma túy, ông B đưa cho bị cáo L 400.000 đồng, bị cáo L kêu ông B sử dụng ma túy, ông B tự tiêm ma túy có sẵn trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy để sử dụng, rồi đến bị cáo L sử dụng ma túy, xong bị cáo L tiêm ma túy cho Quế A sử dụng (bút lục số 167-169). Ông Nguyễn Quốc B khai: mua ma túy của bị cáo L với giá 400.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng, bị cáo L nhận lấy và cất vào túi quần phía sau bên trái, tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số “85” ở mặt tiền có ảnh Bác Hồ, lời khai của ông B phù hợp với vật chứng được thu giữ; ngoài ra ông B còn khai khi ông ngồi đợi bị cáo L trong phòng thì ông thấy có bộ dụng cụ sử dụng ma túy để trên hộp giấy phía trên tấm nệm, bên trong nó có chứa sẵn ma túy đá, bị cáo L vào phòng kêu ông sử dụng 01 hơi ma túy, ông đồng ý và sử dụng ma túy, sau đó bị cáo L cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy hút 01 hơi ma túy, bị cáo L hút ma túy xong thì tiêm ma túy cho chị Lê Ôn Ngọc Quế A sử dụng, bị cáo L bán ma túy cho ông có bà L1 và chị Quế A thấy (bút lục số 214-217). Chị Lê Ôn Ngọc Quế A khai: chị nhìn thấy bị cáo L bán ma túy cho bà L1 và ông B, bị cáo L kêu ông B tiêm chơi ma túy, ông B tiêm ma túy sử dụng, rồi đến bị cáo L tiêm ma túy sử dụng, rồi bị cáo L tiêm ma túy cho chị sử dụng (bút lục số 139, 141). Bị cáo Đặng Hoàng L khai: ngày 18/5/2023, bị cáo dùng bộ dụng cụ sử dụng ma túy để chơi ma túy cùng B và Quế A; bộ dụng cụ sử dụng ma túy nêu trên trong phòng bị cáo là của bị cáo, bị cáo đem bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn ma túy đá cho bị cáo, B, Quế A chơi và không thu lợi ích gì từ B và Quế A, do bị cáo đãi chúng nó chơi ma túy; bị cáo đồng ý cho B tự sử dụng ma túy, bị cáo tự sử dụng ma túy và bị cáo tiêm ma túy cho Quế A hút (bút lục số 272); bị cáo, B, Quế A sử dụng ma túy có L2 (L1) thấy (bút lục số 267); quá trình kiểm tra Công an thu giữ của bị cáo trong túi quần 410.000 đồng, vỏ hộp giấy đựng điện thoại có ghi chữ OPPO A57 bên trong có 01 bịch ma túy đá và 300.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, gói ma túy được thu giữ trong hộp giấy có ghi chữ OPPO A57 là của bị cáo tàng trữ để sử dụng (bút lục số 271, 272). Chị Trần Thị T tại phiên tòa sơ thẩm khai: vào ngày 18/3/2023, bị cáo L chở chị từ thị trấn Thanh P2, huyện Thanh P về nhà bị cáo L ở xã Thanh Ph, huyện Thanh P, trên đường đi chị thấy bị cáo L không có bán vé số cho ai và cũng không có ai đổi tiền lẻ của bị cáo L; khi về nhà có khách thì bị cáo L không cho chị vào phòng ngủ của bị cáo L mà kêu chị ở ngoài; bị cáo L có kêu nước uống và đưa cho chị 50.000 đồng để trả tiền, chị trả 40.000 đồng tiền nước, còn lại 10.000 đồng chị đưa cho bị cáo L cùng với nước uống. Trong quá trình điều tra chị T cũng khẳng định vào buổi sáng ngày 18/5/2023, bị cáo L không có bán vé số, không có người nào đổi tiền với bị cáo L (bút lục số 513, 514). Như vậy, việc bị

cáo L trình bày ngày 18/5/2023 bị cáo đem theo 500.000 đồng và đã mua ma túy 400.000 đồng, còn lại 100.00 đồng, bị cáo bán 71 tờ vé số được 710.000 đồng thì số tiền bị cáo còn lại phải là 810.000 đồng; nhưng khi bắt quả tang thu trên người và trong phòng ngủ của bị cáo L thì số tiền chỉ là 710.000 đồng, vì vậy lời khai này của bị cáo L là không có cơ sở, nên việc bà L1 khai mua ma túy 300.000 đồng, ông B khai mua ma túy 400.000 đồng, chị T khai đưa lại tiền mua nước 10.000 đồng, tổng cộng số tiền 710.000 đồng là phù hợp với số tiền thu giữ khi bắt quả tang đối với bị cáo L;

Xét thấy: Bị cáo L thừa nhận gói ma túy được thu giữ trong hộp giấy có ghi chữ OPPO A57, có kết luận giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2054 gam là của bị cáo L tàng trữ để sử dụng, khối lượng ma túy này đã đủ định lượng cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L 05 năm tù, bị cáo L thừa nhận về tội danh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét gì thêm đối với tội danh này. Mặc dù bị cáo L không thừa nhận phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng bà L1 khẳng định khối lượng 0,0155 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của bà L1 là do bà L1 mua của bị cáo L; ông B khẳng định khối lượng 0,0252 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của ông B là do ông B mua của bị cáo L; việc bị cáo L bán ma túy cho bà L1 có chị Quế A thấy, việc bị cáo L bán ma túy cho ông B có bà L1 và chị Quế A thấy; ngoài ra khối lượng ma túy mà bị cáo L đã bán cho bà L1 và ông B là hoàn toàn độc lập không nằm trong khối lượng 0,2054 gam ma túy của bị cáo L tàng trữ để sử dụng, vì vậy có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo L đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Mặc dù bị cáo L không thừa nhận phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tuy nhiên căn cứ vào vật chứng được thu giữ tại phòng ngủ của bị cáo L là 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy bên trong ống thủy tinh hình mỏ vịt có chất màu trắng dạng vết nghi là ma túy, chất màu trắng dạng vết nghi là ma túy có kết luận giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0362 gam; bị cáo L cũng thừa nhận bộ dụng cụ sử dụng ma túy trong phòng bị cáo là của bị cáo, bị cáo đem bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn ma túy đã cho bị cáo, B, Quế A chơi, bị cáo đồng ý cho B tự sử dụng ma túy, bị cáo tự sử dụng ma túy và bị cáo tiêm ma túy cho Quế A hút; bị cáo, B, Quế A sử dụng ma túy có L2 (L1) thấy (bút lục số 267, 272); ông B và chị Quế A thừa nhận có sử dụng ma túy tại phòng ngủ của bị cáo L, ông B khẳng định bị cáo L kêu ông B sử dụng ma túy, chị Quế A khẳng định bị cáo L tiêm ma túy cho chị hút; bà L1 khẳng định thấy ông B, bị cáo L và chị Quế A sử dụng ma túy tại phòng ngủ của bị cáo L; Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với bị cáo L, ông B và chị Quế A vào ngày 18/5/2023 đều dương tính với chất ma túy, vì vậy có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo L đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị

cáo L thực hiện hành vi phạm tội khi bị cáo đã có 02 tiền án, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo L đã bán ma túy 02 lần trong đó 01 lần bán ma túy cho bà L1 và 01 lần bán ma túy cho ông B; đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo L đã tổ chức cho 02 người chơi gồm có ông B và chị Quế A; vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; việc bị cáo L không thừa nhận thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và kêu oan đó chỉ là hành vi oanh co, chối tội, vì vậy kháng cáo của bị cáo L kêu oan cho rằng không phạm 02 tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận;

Lời nói sau cùng của bị cáo L tại phiên tòa phúc thẩm xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xét thấy bị cáo L phạm tội có tình tiết định khung tăng nặng “*Tái phạm nguy hiểm*” trong đó có tiền án liên quan đến ma túy với mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L 05 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo L cũng không có tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo L là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, vì vậy yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L đối với tội danh này là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Hoàng L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 19/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo Đặng Hoàng L phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật

Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng L 05 (năm) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 03 tội buộc bị cáo Đặng Hoàng L phải chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 22/6/2023.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Đặng Hoàng L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần không áp dụng hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú (3b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (1b);
- Công an huyện Thạnh Phú (1b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- UBND xã Thạnh Phong, h. Thạnh Phú (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông